

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC SƠN  
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-12-2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Hồng.

*Hội Thẩm Nhân Dân:* ông Bùi Văn Ôn; ông Bùi Văn Mạo.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Bùi Văn Hường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:** ông Đinh Thế Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Bùi Thị T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: xóm R, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

- **Bị đơn:** anh Bùi Văn M, sinh năm 1987. Nơi cư trú: xóm R, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số C Hà Nội- Địa chỉ: X- T- S- Hà Nội. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn M kết hôn với nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa do

anh M ham chơi và bị bạn bè lôi kéo vào con đường nghiện ma túy. Dù chị và gia đình đã hết lời khuyên can nhưng anh M không thay đổi. Anh M hiện đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 3 Hà Nội- Địa chỉ: X- T- S- Hà Nội. Nay chị không còn tình cảm và hy vọng vào cuộc hôn nhân với anh M nên chị xin ly hôn để giải phóng cho cả hai và ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Anh M và chị T có 02 con chung là Bùi Hải N, sinh ngày 19/08/2016 và Bùi Hải Đ, sinh ngày 12/4/2011. Khi ly hôn, do anh M đang trong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc nên chị T xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị T chưa yêu cầu anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị do anh M chưa có điều kiện kinh tế.

3. Về tài sản; Công nợ: chị T khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì thêm.

***Anh M từ chối trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.***

Phát biểu quan điểm tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: anh Bùi Văn M được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng vắng mặt do hiện đang cai nghiện ma túy bắt buộc, phiên tòa đã phải hoãn một lần. Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh M, chị T là có cơ sở theo qui định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh M là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

Về con chung: Anh M đang cai nghiện bắt buộc, chị T có đầy đủ điều kiện nuôi con. Xét yêu cầu của chị T là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HN&GD năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản; công nợ: chị T khai nhận không có nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn Bùi Văn M có nơi cư trú tại xóm R, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn M: anh M vắng mặt tại phiên tòa do đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 3 Hà Nội- Địa chỉ: X- T- S- Hà Nội và đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác; Chị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo qui định tại điểm khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh M, chị T theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn do anh M nghiện ma túy dù đã được chị T và gia đình đồng viên, khuyên nhủ nhưng anh M không thay đổi, hai bên không thể tìm được tiếng nói chung.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh M là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

[3]. Về con chung: chị T và anh M có 02 con chung là Bùi Hải N, sinh ngày 19/08/2016 và Bùi Hải Đ, sinh ngày 12/4/2011. Khi ly hôn, do anh M đang trong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc nên chị T xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị T chưa yêu cầu anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị do anh M chưa có điều kiện kinh tế. Nguyên vọng của các con là muốn ở cùng mẹ. Anh M không đưa ra quan điểm về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con.

Quá trình xác minh tại địa phương, chị T có đầy đủ điều kiện nuôi con. Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyên vọng của đương sự thấy cần giao cháu Đ và cháu N cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HN&GD năm 2014. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị T chưa yêu cầu anh M có trách nhiệm

cấp dưỡng nuôi con với chị. Chị T sẽ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác khi anh M có đủ điều kiện và nhu cầu của con thật sự cần thiết. Xét điều kiện thực tế của các bên đương sự; căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110 Luật HN&GD năm 2014 xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp.

[4] Về tài sản; công nợ: chị T khai nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập trong vụ án.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Bùi Văn M.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn M;

2. *Về con chung:* Giao con chung là Bùi Hải N, sinh ngày 19/08/2016 và Bùi Hải Đ, sinh ngày 12/4/2011 cho chị Thường trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 12/2024 trở đi cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị T chưa yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con). Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. 3. *Về tài sản; Công nợ:* Không có;

4. *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002407 ngày 15/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay chị T không phải nộp án phí nữa.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND Mỹ Thành theo  
GCNKH số 29 ngày  
15/10/2010;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng**

